TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 31/2020/HNGĐ-ST Ngày: 04 – 8 – 2020 V/v "tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thật

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hồng Xuân

2. Ông Võ Thành Trung

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Cao Chánh Nhật – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Ngọc - Kiểm sát viên

Trong ngày 04 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bé L, sinh năm 1992; Địa chỉ: Ấp B, xã T1, huyện T, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Nguyễn Trường Đ, sinh năm 1992; Địa chỉ: Ấp B, xã T1, huyện T, tỉnh Long An.

Bà L có mặt; ông Đ vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Bé L: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé L trình bày:

Bà L và ông Nguyễn Trường Đ được hai bên gia đình làm lễ cưới vào năm 2011, nhưng đến năm 2012 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P,

huyện C, tỉnh Long An. Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Quốc Thịnh, sinh ngày 31/5/2013 (đã chết) và Nguyễn Ngọc Bảo Yến, sinh ngày 22/4/2016. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do tính tình, quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau, ông Đ thường đi chở hàng xa, không quan tâm vợ con, mỗi lần về nhà thì vợ chồng cải vả, không có tiếng nói chung, làm cho không khí gia đình trở nên căng thẳng. Mặc dù hai bên gia đình đã hoà giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng tình hình gia đình vẫn không có chuyển biến tốt, bà và ông Đ đã sống ly thân từ năm 2017. Nay bà L nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được, bà không còn tình cảm với ông Đ nên yêu cầu Toà án giải quyết những vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Bà L yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Trường Đ.

- Về con chung: Bà L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo Y, sinh ngày 22/4/2016, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chng. Con chung hiện đang sống với bà L.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Yêu cầu, đề nghị của bị đơn – ông Nguyễn Trường Đ: Ông Đ đã được Tòa án nhân dân huyện T triệu tập hợp lệ đúng quy định của pháp luật nhưng ông Đ vắng mặt không có lý do và không có ý kiến hay văn bản đề nghị gửi cho Tòa án. Do đó, Tòa án nhân dân huyện T tiến hành các thủ tục tố tụng để đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về nội dung vụ án: Bà L và ông Đ có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống bà L và ông Đ đã không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng mặc dù đã được gia đình khuyên can, hàn gắn. Bà L và ông Đ đã sống ly thân từ năm 2017. Ông Đ đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà L nên lời trình bày của bà L về tình trạng mâu thuẫn gia đình là có cơ sở chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L. Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Bé L và ông Nguyễn Trường Đ có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Phước Vĩnh Tây, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An vào năm 2012 nên là quan

hệ hôn nhân hợp pháp. Bà L khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết vấn đề con chung, đây là quan hệ pháp luật được quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình, ông Đ cư trú trên địa bàn thuộc huyện Thạnh Hoá, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hoá theo quy định của Bộ luật T`ố tụng dân sự.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt ông Nguyễn Trường Đ: Xét thấy, ông Đ đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt ông Đ.

[3] Về hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Bé L và ông Nguyễn Trường Đ:

Xét thấy, bà Nguyễn Thị Bé L trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, ông Đ không quan tâm đến vợ con, vợ chồng thường xuyên cải vả nhau. Bà và ông Đ đã sống ly thân từ năm 2017. Bà L xác định mâu thuẫn giữa bà và ông Đ là không thể hàn gắn được, bà không còn tình cảm với ông Đ nên yêu cầu được ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đ vắng mặt không tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không có ý kiến phản bác lời trình bày của bà L. Quá trình Tòa án giải quyết, ông Đ cũng không có hành động biểu hiện thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, lời trình bày của bà L về tình trạng mâu thuẫn giữa bà với ông Đ là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa bà L và ông Đ không còn, tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông Đ.

[4] Về con chung: Bà L trình bày hiện bà và ông Đ có một con chung Nguyễn Ngọc Bảo Yến, sinh ngày 22/4/2016. Khi ly hôn, bà L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Đ vắng mặt và không có ý kiến nào phản bác đối với đề nghị của bà L về việc nuôi dưỡng con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, con chung Nguyễn Ngọc Bảo Y hiện đang sống ổn định với mẹ; cháu Y là con gái nên để đảm bảo sự phát triển bình thường tâm sinh lý của cháu cần chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng con chung của bà L. Bà L được quyền nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo Yến, sinh ngày 22/4/2016. Bà L không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu Toà án giải quyết, ông Đ không có văn bản thể hiện yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bé L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé L đối với ông Nguyễn Trường Đ.

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Bé L được ly hôn với ông Nguyễn Trường Đ.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Bé L được quyền nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo Y, sinh ngày 22/4/2016. Ông Nguyễn Trường Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Con chung hiện đang sống với bà L.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Bé L phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Chuyển số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003204 ngày 27 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An sang thi hành án phí. Bà L đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Nguyễn Trường Đ không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà L có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Đ vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

6. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã (thị trấn) nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thật

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Lê Hồng Xuân – Võ Thành Trung	**Nguyễn Thị Thật**